

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 980 /UBND-CNXD

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 3 năm 2015

V/v xem xét, thông nhất đề
án Quy hoạch chung đô thị
Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Xây dựng

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....1499.....
	Ngày: 11.3.15.....
	Chuyên:.....

Huyện Đức Phổ là một trong những huyện thuộc khu vực đồng bằng, nằm ở cực Nam của tỉnh Quảng Ngãi, có tiềm năng, tốc độ phát triển cao. Hiện tại cũng như trong tương lai, huyện Đức Phổ giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Nam của tỉnh Quảng Ngãi.

Thị trấn Đức Phổ và vùng phụ cận, trong những năm qua, giữ vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, xã hội, thương mại, dịch vụ của huyện Đức Phổ nói riêng và khu vực phía Nam của tỉnh Quảng Ngãi nói chung. Sự phát triển của thị trấn Đức Phổ trong những năm gần đây đã tạo sức mạnh lan tỏa, ảnh hưởng mạnh mẽ đến các xã và vùng phụ cận của huyện Đức Phổ.

Phạm vi ranh giới hành chính hiện nay của thị trấn Đức Phổ không thể đáp ứng được nhu cầu, tốc độ phát triển của đô thị trong tương lai. Chính vì vậy, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xác định: Xây dựng thị trấn Đức Phổ đạt các tiêu chí của đô thị loại IV, cùng với các khu vực Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong làm hạt nhân để phát triển toàn huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh.

Để chuẩn bị cho việc hình thành thị xã Đức Phổ trong tương lai, cần phải lập, phê duyệt quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, làm cơ sở pháp lý để lập, phê duyệt Đề án phân loại đô thị, Đề án thành lập thị xã Đức Phổ, phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển hệ thống đô thị quốc gia, phù hợp với các chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Hồ sơ Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn miền Trung, thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng lập, qua nhiều lần góp ý, chỉnh sửa, đến nay đã hoàn thiện.

Đô thị Đức Phổ có tính chất như là một đô thị mới (theo hướng phát triển toàn huyện Đức Phổ trở thành thị xã), có quy mô dân số đô thị dự báo khoảng 180.000-209.000 người, tương đương quy mô dân số đô thị loại IV.

Do đó, Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, thống nhất đồ án Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi - với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch:

Phạm vi và ranh giới khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung đô thị Đức Phổ bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên 37.276 ha của huyện Đức Phổ, với giới cận như sau:

- Phía Bắc: giáp huyện Mộ Đức và huyện Nghĩa Hành
- Phía Nam: giáp huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định
- Phía Đông: giáp biển Đông
- Phía Tây: giáp huyện Ba Tơ

3. Tính chất :

- Là đô thị cấp tỉnh, được quy hoạch định hướng phát triển lên đô thị loại IV và trở thành thị xã trực thuộc tỉnh dựa trên hạt nhân là thị trấn Đức Phổ hiện trạng và các khu vực Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong; giữ vai trò là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hoá, xã hội vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi; có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp.

- Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi.

- Là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Dân số		
1	Tổng dân số	người	180.000 - 209.000
2	Mật độ dân số	người/km ²	483 - 560
II	Sử dụng đất		
1	Đất xây dựng đô thị	ha m ² /người	2000-3000 120-150
1.1	Đất dân dụng	m ² /người	100-120
	- Đất đơn vị ở bình quân	m ² /người	8 - 50
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥ 6
	- Đất giao thông	m ² /người	≥ 10
	- Đất công trình công cộng, dịch vụ	m ² /người	≥ 4
1.2	Đất ngoài dân dụng	m ² /người	20-50
2	Mật độ xây dựng gộp tối đa trong	%	60

	đơn vị ở		
III	Cơ sở hạ tầng		
A	Hạ tầng xã hội thiết yếu		
1	Giáo dục		
	- Nhà trẻ mẫu giáo	chỗ/1000dân m ² /học sinh	50 15
	- Trường Tiểu học	chỗ/1000dân m ² /học sinh	65 15
	- Trường Trung học cơ sở	chỗ/1000dân m ² /học sinh	55 15
	- Trường Phổ thông trung học	chỗ/1000dân m ² /học sinh	40 15
2	Y tế		
	- Trạm y tế	trạm/1000người	1
	- Phòng khám đa khoa	m ² /công trình	3000
	- Bệnh viện đa khoa	giường/1000người	4
3	Thể dục thể thao		
	- Sân thể thao cơ bản	m ² /người ha/công trình	0,6 1,0
	- Sân vận động	m ² /người ha/công trình	0,8 2,5
	- Trung tâm TDTT	m ² /người ha/công trình	0,8 3,0
4	Các công trình văn hóa (thư viện, nhà văn hóa, bảo tàng, triển lãm...)	Theo tiêu chuẩn đô thị loại IV	
5	Chợ	ha/công trình	0,8-1,5
B	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Tỉ lệ đất giao thông (tính đến đường phân khu vực)	% đất XD đô thị	≥ 18
2	Mật độ đường giao thông	km/km ²	8 - 10
3	Cấp nước sinh hoạt	l/người/ng.đêm	120
4	Cấp điện		
	- Sinh hoạt	KW/1000người	200-330
	- Công trình công cộng, dịch vụ	% phụ tải điện SH	30
	- Sản xuất công nghiệp, kho tàng	KW/ha	50 - 350
5	Mật độ đường công thoát nước chính	km/km ²	≥ 3
6	Tỉ lệ thu gom, xử lý nước thải	% nước cấp SH	≥ 80
7	Chất thải rắn	Kg/người/ng.đêm Tỉ lệ thu gom	0,8 - 1 ≥ 85%

5. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Dự báo phát triển			
		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn đến 2030	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
A	Vùng phát triển đô thị	4.406,00	11,82	4.406,00	11,82
I	Đất xây dựng đô thị	1.617,92	4,34	3.158,93	8,47
1.1	Đất dân dụng	1.340,96	3,60	2.714,04	7,28
1.1.1	Đất ở	818,73	2,20	1.754,85	4,71
1.1.2	Đất công cộng	117,23	0,31	201,65	0,54
1.1.3	Đất công viên cây xanh	122,92	0,33	192,63	0,52
1.1.4	Giao thông đối nội	282,09	0,76	564,92	1,52
1.2	Đất ngoài dân dụng	276,96	0,74	444,89	1,19
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan	16,69	0,04	20,69	0,06
1.2.2	Đất thương mại dịch vụ	63,07	0,17	89,00	0,24
1.2.3	Đất công cộng	48,53	0,13	63,30	0,17
1.2.4	Đất nghĩa trang	0,26	0,00	17,26	0,05
1.2.5	Đất cây xanh và mặt nước	73,97	0,20	134,98	0,36
1.2.6	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5,88	0,02	6,52	0,02
1.2.7	Giao thông đối ngoại	68,18	0,18	112,53	0,30
1.2.8	Tôn giáo	0,38	0,00	0,61	0,00
II	Đất chuyên dùng	2.788,08	7,48	1.247,07	3,35
2.1	Công nghiệp	264,17	0,71	342,09	0,92
2.1.1	Khu công nghiệp Phố Phong	157,38	0,42	157,38	0,42
2.1.2	Nhà máy đường Phố Phong	5,40	0,01	5,40	0,01
2.1.3	Cụm công nghiệp Đồng Làng	20,00	0,05	55,68	0,15
2.1.4	Cụm công nghiệp Trà Cầu	0,00	0,00	38,25	0,10
2.1.5	Khu cảng biển và cụm công nghiệp Mỹ Á	40,00	0,11	40,00	0,11
2.1.6	Cảng sa huỳnh và tiêu thủ công nghiệp	7,87	0,02	7,87	0,02
2.1.7	Cụm công nghiệp Sa Huỳnh	28,52	0,08	32,51	0,09
2.1.8	Tiêu thủ công nghiệp	5,00	0,01	5,00	0,01
2.2	Đất du lịch	263,54	0,71	263,54	0,71
2.2.1	Khu du lịch sinh thái núi Dàng	103,12	0,28	103,12	0,28
2.2.2	Khu du lịch sinh thái núi Cửa	130,42	0,35	130,42	0,35

STT	Hạng mục	Dự báo phát triển			
		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn đến 2030	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
2.2.3	Khu du lịch và DTLS núi Sầu Đông	30,00	0,08	30,00	0,08
2.3	Đất khác	2.260,37	6,06	641,44	1,72
2.3.1	Đất dự trữ	2.204,37	5,91	585,44	1,57
2.3.2	Đất đặc biệt	56,00	0,15	56,00	0,15
B	Vùng ngoài đô thị	32.870,14	88,18	32.613,89	87,49
1	Đất giao thông	139,45	0,37	256,25	0,69
2	Đất chuyên dùng	1.497,08	4,02	1.497,08	4,02
	Đất du lịch	1.448,49	3,89	1.448,49	3,89
	Đất công nghiệp	48,59	0,13	48,59	0,13
3	Đất sản xuất nông nghiệp, NTTS	11.955,46	32,07	12.553,76	33,68
4	Đất lâm nghiệp	11.758,72	31,54	11.758,72	31,54
5	Đất tôn giáo	17,55	0,05	17,55	0,05
6	Đất nghĩa trang	697,36	1,87	697,36	1,87
7	Sông suối và mặt nước	1.661,07	4,46	1.661,07	4,46
8	Đất dân cư nông thôn	639,05	1,71	639,05	1,71
9	Đất chưa sử dụng	4.504,40	12,08	3.789,30	10,17
	Tổng cộng	37.276,14	100,00	37.276,14	100,00

6. Phân vùng phát triển:

a) Khu vực nội thị:

Định hướng quy hoạch phát triển 7 phường nội thị gồm: thị trấn Đức Phổ, các xã: Phổ Ninh, Phổ Hòa, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Văn và Phổ Quang. Khu vực phát triển đô thị có quy mô diện tích tự nhiên khoảng 3400 ha, trong đó diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2020 khoảng 1320 ha và đến năm 2030 khoảng 2455 ha. Đây là khu vực có lợi thế kết nối trực tiếp với những tuyến giao thông lớn là trục Quốc lộ 1, ga đường sắt Đức Phổ, trục ven biển, kết nối thuận lợi với 2 đô thị vệ tinh của huyện là Sa Huỳnh và Vạn Lý; có địa hình cao ráo và có thị trấn Đức Phổ hiện hữu làm nền tảng nên rất thuận lợi cho quá trình phát triển đô thị.

b) Khu vực ngoại thị:

- Khu vực ngoại thị gồm 9 xã với 2 khu đô thị vệ tinh là: Sa Huỳnh (xã Phổ Thạnh) và Vạn Lý (xã Phổ Phong). Hai khu đô thị vệ tinh với 2 chuyên ngành là du lịch (Sa Huỳnh) và công nghiệp (Vạn Lý) có chức năng làm động lực thúc đẩy cho tiểu vùng phía Nam và tiểu vùng Tây Bắc của huyện.

7. Phân khu chức năng và định hướng phát triển không gian đô thị

a) Khu vực nội thị:

a.1. Khu đô thị Đức Phổ, gồm các khu chức năng cơ bản sau:

- Khu trung tâm hành chính, chính trị của thị xã Đức Phổ trong tương lai.

- Trung tâm tài chính, thương mại – dịch vụ, du lịch.

- Trung tâm thể dục thể thao, văn hóa – xã hội.

- Các khu nhà ở, gồm:

+ Các khu ở hiện trạng cải tạo tại khu vực trung tâm thị trấn Đức Phổ.

+ Các khu ở mới chia lô mật độ cao, các khu nhà ở cao tầng phát triển về phía Bắc thị trấn thuộc xã Phổ Ninh và về phía Nam là khu vực xã Phổ Hòa.

- Các công trình đầu mối giao thông: Ga đường sắt và bến xe trung tâm.

a.2. Khu đô thị Trà Câu: giữ vai trò là cửa ngõ phía Bắc của khu vực nội thị, gồm các khu chức năng cơ bản sau:

- Khu thương mại dịch vụ.

- Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề thủ công truyền thống.

- Các khu nhà ở:

+ Các khu ở hiện trạng cải tạo dựa trên các khu ở hiện hữu.

+ Các khu ở mới chia lô mật độ cao ở phía Bắc khu đô thị và các khu ở biệt thự, nhà vườn truyền thống khu vực ven nội thị và khu vực phía Nam ven sông Trà Câu.

a.3. Khu đô thị Phổ Vinh - Mỹ Á: phía Đông và Đông Nam đường tránh Đông (thuộc địa bàn các xã Phổ Quang, Phổ Minh và Phổ Vinh), gồm các khu chức năng cơ bản sau:

- Khu thương mại - dịch vụ cửa Mỹ Á.

- Cụm công nghiệp nhẹ chủ yếu là lắp ráp, đóng gói bao bì, may mặc.

- Dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng ven biển.

- Các khu ở mới chủ yếu là thấp tầng, nhà phố chia lô và biệt thự cao cấp.

b) Khu vực ngoại thị:

b.1. Các khu đô thị vệ tinh:

- Khu đô thị Vạn Lý: giữ vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, động lực phát triển của tiểu vùng kinh tế phía Tây Bắc đô thị Đức Phổ; đầu mối giao thông kết nối khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi và đi các tỉnh Tây Nguyên.

- Khu đô thị Sa Huỳnh: giữ vai trò là trung tâm thương mại dịch vụ động lực phát triển của tiểu vùng kinh tế phía Nam đô thị Đức Phổ; gồm các khu chức năng cơ bản như: dịch vụ du lịch biển, du lịch văn hóa-lịch sử, đánh bắt xa bờ, dịch vụ cảng cá và hậu cần nghề biển, công nghiệp chế biến hải sản.

b.2. Khu vực các xã ngoại thị :

- Tổ chức các khu trung tâm xã làm động lực thúc đẩy phát triển trong khu vực xã.

- Tổ chức các khu ở làng xã dưới mô hình kết hợp với sinh thái gắn liền với sản xuất nông nghiệp.

- Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống cải thiện thu nhập người dân, đa dạng hóa các ngành kinh tế.

- Dịch vụ du lịch thực nghiệm cho khách du lịch tại các làng nghề thủ công truyền thống và du lịch văn hóa- truyền thống lịch sử.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

a.1. San nền:

- Thị trấn Đức Phổ và khu đô thị Phổ Văn: Cao độ khống chế nền xây dựng toàn khu vực nội thị $\geq 5,0m$. Riêng các khu vực phía Nam, bao gồm các làng xóm cũ giữ lại cải tạo, có cao độ nền $\geq 4,5m$ giữ nguyên nền hiện trạng, chỉ san cục bộ; các khu vực có cao độ $<4,5m$ cần tôn nền nhà ở, các công trình sử dụng đến cao độ $H \geq 4,5m$, còn sân vườn giữ nguyên.

- Khu vực Sa Huỳnh: cao độ nền xây dựng $\geq 3,10m$.

- Khu vực Phổ Phong: Khu vực trung tâm và làng xóm ven Quốc lộ 24 đã xây dựng ổn định, có cao độ nền từ $19,20m \div 27,40m$, không bị ngập lụt, giữ nguyên nền hiện trạng. Các khu vực phía Nam, bao gồm các làng xóm cũ giữ lại cải tạo có cao độ $<+13,7m$ cần tôn nền đến cao độ $\geq 19,5m$.

a.2. Giải pháp thoát nước mặt:

- Toàn bộ khu vực quy hoạch được chia làm 6 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc sông Ba Liên - Trà Câu (bao gồm các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ Nhơn), hướng thoát nước ra sông Thoá.

+ Lưu vực 2 : Khu vực phía nam sông Ba Liên - Trà Câu (bao gồm các xã Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Hòa và thị trấn Đức Phổ), hướng thoát nước ra sông Lò Bó, sông Trường và ra cửa Mỹ Á.

+ Lưu vực 3: Khu vực xã Phổ Cường, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ rồi vào đầm Lâm Bình.

+ Lưu vực 4: Khu vực xã Phổ Khánh, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ đổ vào đầm An Khê.

+ Lưu vực 5: Khu vực xã Phổ Thạnh, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ đổ vào đầm Nước mặn.

+ Lưu vực 6: Khu vực xã Phổ Châu, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ đổ ra biển.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Quy hoạch xây dựng hệ thống cống ngầm dọc các trục đường, đảm bảo tất cả các đường nội thị đều có cống, kích thước cống từ $\varnothing 800$ đến $\varnothing 1500$.

+ Dọc các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ ngoài khu vực đô thị có thể thiết kế mương hở để giảm chi phí, kích thước $600mm \times 600mm$

+ Bố trí các cầu, công tròn hoặc công bản vị tại các vị trí qua đường, qua sông, suối.

+ Trên tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Bình Định, dự kiến xây dựng các công qua đường, cầu đảm bảo khả năng thoát lũ.

a.3. Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Khơi thông các dòng chảy để thoát lũ nhanh khi đến mùa mưa lũ.

- Xây dựng đê, kè các đoạn sông, suối chảy qua đô thị và khu dân cư (sông Ba Liên - Trà Câu, sông Lò Bó, sông Trường Giang, sông Thoa) để tạo cảnh quan và tránh sạt lở tại các vị trí xung yếu.

- Nâng cấp đê bao đồng muối Sa Huỳnh.

- Xây dựng đê bao khu dân cư ven biển xã Phổ Thạnh.

b. Quy hoạch giao thông:

b.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

+ Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Bình Định: Quy hoạch mặt cắt 26m, trong đó lòng đường 2x11,25m, dải phân cách 2m, lề đường 2x0,75m.

+ Quốc lộ 1:

* Đoạn ngoài đô thị: Quy hoạch mặt cắt 20,5m, trong đó lòng đường 18m, lề đường 2x1,25m.

* Đoạn qua đô thị: Quy hoạch mặt cắt 32m, trong đó lòng đường 22m, dải phân cách 2x0,5m, vỉa hè 2x4,5m.

+ Quốc lộ 24:

* Đoạn nối ĐT 627 tại xã Phổ An đến Thạch Trụ - Phổ Phong: quy hoạch mặt cắt 27m, trong đó lòng đường 2x7,5m, dải phân cách 2m, vỉa hè 2x5m.

* Đoạn từ Km8 đến Km50+345: quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi.

+ Đường tỉnh ĐT 627 (Dung Quất - Sa Huỳnh), đoạn qua huyện Đức Phổ quy hoạch mặt cắt 27m, trong đó lòng đường 2x7,5m, dải phân cách 2m, vỉa hè 2x5m.

+ Đường tỉnh ĐT 627B (Bồ Đề - Đức Lợi - Mỹ Á): quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng; riêng đoạn qua khu vực đô thị quy hoạch mặt cắt 27m, trong đó lòng đường 2x7,5m, dải phân cách 2m, vỉa hè 2x5m.

- Đường thủy:

+ Cảng Mỹ Á : Là cảng tổng hợp (gồm vận chuyển hàng hóa và cảng tàu cá đánh bắt xa bờ) kết hợp các dịch vụ hậu cần; công suất cảng 0,3 - 0,5 triệu tấn/năm.

+ Cảng Sa Huỳnh: Có chức năng chủ yếu là cảng cá kết hợp các dịch vụ hậu cần nghề biển.

+ Quy hoạch 02 tuyến giao thông thủy nội địa thuộc địa bàn đô thị Đức Phổ có số hiệu: tuyến 05 - sông Trà Câu và tuyến 06 - sông Thoa.

- Đường sắt:

- + Cải tạo nâng cấp ga Đức Phổ từ 3 đường đón tiễn khách lên 4 đường đón tiễn khách; mở rộng cơ sở hạ tầng về phía Tây. Mở rộng ga cũ với chiều dài ga 800m, chiều rộng ga 100m, quy mô ga 8ha;
- + Chuyển chức năng ga hàng hóa ra khỏi khu vực nội thị về ga Thạch Trụ;
- + Cải tạo nâng cấp ga Thủy Thạch xã Phổ Cường và ga Sa Huỳnh xã Phổ Thạnh thành các điểm tránh tàu và phục vụ du lịch.
 - Các bến xe:
 - + Quy hoạch bến xe trung tâm với quy mô diện tích 1,5ha, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 3.
 - + Quy hoạch bãi đỗ xe liên hợp phía Nam, với chức năng chính là phục vụ du lịch.

b.2. Giao thông đối nội:

Mạng lưới đường được thiết kế trên cơ sở hệ thống giao thông đối nội hiện có và xem xét đến các yếu tố phát triển đô thị trong tương lai, được tổ chức cụ thể như sau:

- Đường trục chính: cải tạo và nâng cấp tuyến QL1 hiện tại thành tuyến trục chính của đô thị. Đồng thời mở hướng tuyến đi về Mỹ Á và khu cảng biển nhằm liên kết chặt chẽ giao thông trong nội thị
- Đường liên khu vực (đường chính) được bố trí theo lưới đường từ 500-600m, theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- Đường khu vực: được bố trí theo lưới đường 150-200m.

c) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: giai đoạn ngắn hạn sử dụng điện từ điện lưới Quốc gia thông qua 2 trạm 110KV Mộ Đức và trạm 110KV Đức Phổ. Giai đoạn dài hạn lắp đặt thêm 2 máy tại 2 trạm 110KV hiện trạng có công suất 25MVA tại trạm Đức Phổ, 40MVA tại trạm Mộ Đức và xây dựng mới 1 trạm 110KV công suất 25MVA đặt gần khu đô thị vệ tinh Vạn Lý, Phổ Phong.

- Tổng công suất : 88.249KVA.
- Lưới điện 22KV: Toàn bộ hệ thống lưới 22KV được thiết kế đi nổi, khu trung tâm đô thị bố trí đi ngầm như khu trung tâm hành chính huyện, trung tâm các khu đô thị mới.
- Trạm biến áp 22/0,4KV: Các trạm biến áp này được cung cấp nguồn 22KV từ các trạm trung gian hiện trạng.
- Lưới chiếu sáng đường: Các tuyến đường liên khu vực có mặt cắt < 10,5m được bố trí chiếu sáng một bên, các tuyến có mặt cắt >10,5m được bố trí chiếu sáng 2 bên. Một số trục đường chính có dải phân cách thì bố trí trụ chiếu sáng chính giữa dùng cáp đi ngầm.

d) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất từ sông Ba Liên, hồ Diên trường, hồ Liệt Sơn và suối Đập Cường...;

- Giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2020): Nhu cầu dùng nước: 26.000 m³/ngày đêm. Sử dụng nước từ nhà máy nước thị trấn Đức Phổ công suất 10.000m³/ngđ, nhà máy nước Trà Câu công suất 2.000m³/ngđ, nhà máy nước Phổ Phong công suất 2.000m³/ngđ, nhà máy nước Diên Trường công suất 1.000m³/ngđ, các trạm xử lý nước sinh hoạt trên địa bàn huyện công suất 5.500m³/ng.đ. Xây mới 02 nhà máy nước: nhà máy nước sử dụng riêng cho khu công nghiệp Phổ Phong công suất 3.000m³/ngđ, nhà máy nước cây Xoài (Sa Huỳnh) công suất 2.500m³/ngđ.

- Giai đoạn dài hạn (đến năm 2030): Nhu cầu dùng nước: 41.000 m³/ngày đêm. Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Đức Phổ từ 10.000m³/ngđ lên 16.000m³/ngđ, nâng cấp nhà máy nước Trà Câu từ 2.000m³/ngđ lên 3.000m³/ngđ, nâng cấp nhà máy nước Phổ Phong từ 2.000m³/ngđ lên 3.000m³/ngđ, nâng cấp nhà máy nước Cây Xoài từ 2.500m³/ngđ lên 5.000m³/ngđ, nâng cấp nhà máy nước Diên Trường từ 1.000m³/ngđ lên 1.500m³/ngđ, nâng cấp công suất các trạm xử lý nước sinh hoạt trên địa bàn huyện từ 5.500m³/ng.đ lên 8.500m³/ng.đ.

- Mạng lưới gồm những đường ống có đường kính từ 100mm đến 500mm, kết hợp với mạng lưới đường ống hiện trạng trong khu vực được tổ chức thành nhiều vòng khép kín và một số tuyến ống nhánh đảm bảo cấp đủ lưu lượng nước cấp cho đô thị.

- Các trụ PCCC lấy nước từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Bố trí các trụ PCCC tại các ngã ba, ngã tư và dọc theo các tuyến đường chính với khoảng cách giữa hai trụ là 150 m.

e) Hệ thống thông tin liên lạc:

e.1. Mạng di động:

- Đối với lĩnh vực di động, trong tương lai các nhà mạng sẽ nâng cấp các trạm BTS hiện có và lắp thêm một số trạm mới nhằm đáp ứng tốt về mặt phủ sóng trên địa bàn cũng như sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, đặc biệt là ở những khu công nghiệp, các khu trung tâm trong đô thị.

- Về dịch vụ, nâng cấp mạng ngoại vi để phát triển các dịch vụ như: IPTV, MegaWan, Metronet, thuê kênh riêng, truyền hình hội nghị....

e.2. Bưu cục và các điểm đại lý:

- Quy hoạch mạng lưới các bưu cục trong khu vực với bán kính phục vụ hợp lý; đảm bảo các dịch vụ cơ bản như: thư tín, EMS, chuyển tiền, bưu phẩm.

- Cải tạo kết hợp xây dựng mới các điểm đại lý bưu điện, bưu điện văn hoá xã, đặc biệt ở những khu vực đông dân cư.

e.3. Truyền dẫn và chuyển mạch:

Trong mỗi khu đô thị mới xây dựng 01 trạm trung tâm (trạm HOST) và trạm vệ tinh. Cấp quang từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đến trạm trung tâm, từ trạm trung tâm đi các trạm vệ tinh dùng cáp ngầm đi dọc vỉa hè.

f) Quy hoạch thoát nước thải và VSMT:

f.1. Thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: được thu gom theo hệ thống cống thoát nước bản riêng, chảy về trạm xử lý của từng khu vực để xử lý làm sạch trước khi đổ ra sông, suối.

- Nước thải bệnh viện: được xử lý cục bộ trong từng bệnh viện đạt tiêu chuẩn loại B và khử trùng trước khi xả ra hệ thống thoát nước bản của đô thị.

- Nước thải công nghiệp: được xử lý cục bộ trong từng nhà máy đạt tiêu chuẩn loại B trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu, cụm công nghiệp.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Tại các khu vực đô thị, khu-cụm công nghiệp: Quy hoạch xây dựng các trạm xử lý nước thải với công suất phù hợp, kết hợp bố trí các trạm bơm trung chuyên. Các khu vực nông thôn, mật độ dân cư thưa: nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại trước khi thoát ra môi trường tự nhiên

+ Hệ thống đường ống thoát nước thải dùng cống tròn tự chảy Ø300 đến Ø500 kết hợp cống áp lực Ø200 đi dọc theo vỉa hè các tuyến đường, thu gom nước thải từ các khu vực dẫn về trạm xử lý.

f.2. Chất thải rắn:

- Quy hoạch 02 khu xử lý, chôn lấp chất thải rắn gồm: Khu xử lý liên hợp chất thải rắn An Điền xã Phổ Nhơn, quy mô diện tích giai đoạn đầu 6 ha và dự kiến sau năm 2020 nâng lên thành 10ha; Bãi chôn lấp chất thải rắn Phổ Thạnh, với quy mô diện tích giai đoạn đầu 2 ha và dự kiến sau năm 2020 là 3ha.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong đô thị phải được phân loại, thu gom, tập kết về các điểm trung chuyển trước khi vận chuyển đến các khu xử lý chung của đô thị.

- Chất thải y tế: Chất thải rắn y tế thông thường sẽ được thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt của đô thị; Chất thải rắn y tế nguy hại được đốt tại lò đốt trong Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm theo đúng tiêu chuẩn quy định.

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong

khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý; các cơ quan và hộ gia đình phải tự giác tập hợp chất thải rắn của mình vào đúng các vị trí qui định.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

f.3. Nghĩa trang:

- Quy hoạch xây dựng mới 03 nghĩa trang tập trung:

+ 01 nghĩa trang tại xã Phô Ninh, quy mô nghĩa trang giai đoạn đầu khoảng 4ha, giai đoạn dài hạn mở rộng thêm khoảng 4ha, phục vụ cho khu vực trung tâm đô thị Đức Phổ.

+ 01 nghĩa trang tại Sa Huỳnh, quy mô diện tích khoảng 5 ha, phục vụ khu vực phía Nam đô thị Đức Phổ.

+ 01 nghĩa trang tại xã Phô Văn, quy mô diện tích khoảng 5 ha, phục vụ khu vực phía Bắc đô thị Đức Phổ.

- Đối với các khu vực nghĩa trang hiện trạng nhỏ lẻ, manh mún: khoanh vùng và không cho chôn cất thêm nhằm đảm bảo môi trường cho khu vực.

(Phần chi tiết có thuyết minh và bản vẽ kèm theo).

Kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét có văn bản thống nhất để làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Kiến trúc Quy hoạch – BXD;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBND huyện Đức Phổ;
- Sở Xây dựng;
- VPUB: C, PCVP(CN), CB;
- Lưu: VT, XD.tls.109



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ